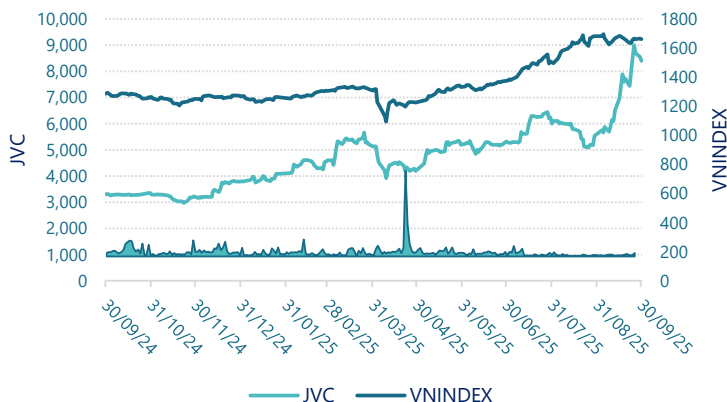




CTCP Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật (HSX: JVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,970
SL cổ phiếu LH	112,500,171
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,147,230
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	945
P/E	14.0
EPS	601

DT thuần

Q3/25

161

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 25.0 | 18.5%

YoY: ▲ 13.0 | 8.9%

LN sau thuế

Q3/25

12.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.61 | 322%

YoY: ▲ 4.15 | 49.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.8%

+/- YoY: ▲ 5.0%

DT thuần

9T 2025

479

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0 | 12.9%

LN sau thuế

9T 2025

40.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.2 | 67.5%

ROE

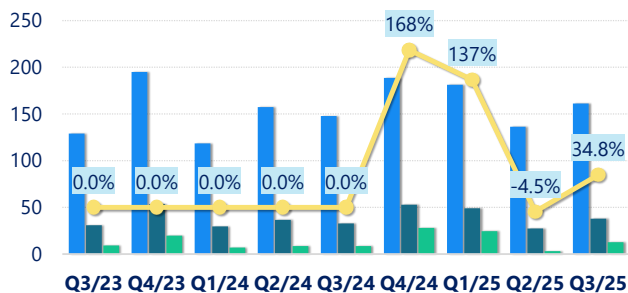
Q3/25

12.3%

+/- YoY: ▲ 3.5%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



Doanh thu thuần

Lợi nhuận gộp

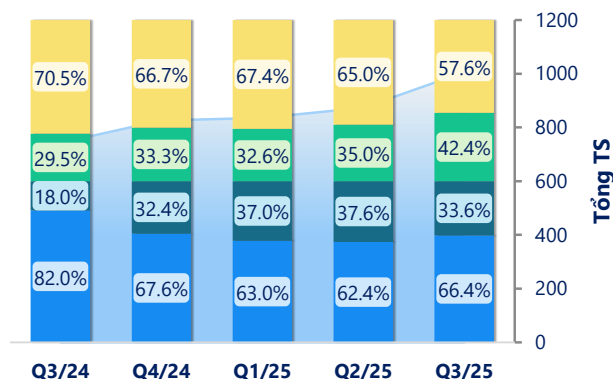
Lợi nhuận sau thuế

Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



Q3/24

Q4/24

Q1/25

Q2/25

Q3/25

Tổng tài sản

Tài sản ngắn hạn

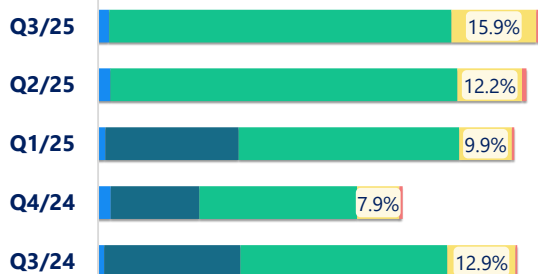
Tài sản dài hạn

Nợ phải trả

Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền

Đầu tư TC ngắn hạn

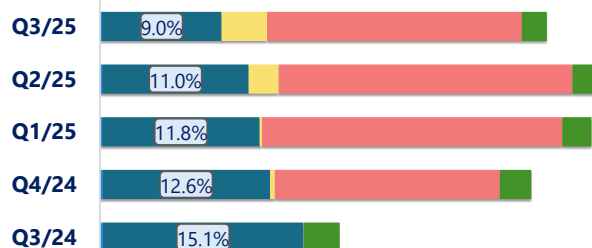
Phải thu ngắn hạn

Hàng tồn kho

TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Phải thu dài hạn

Tài sản cố định

Bất động sản đầu tư

Tài sản dở dang

Đầu tư tài chính dài hạn

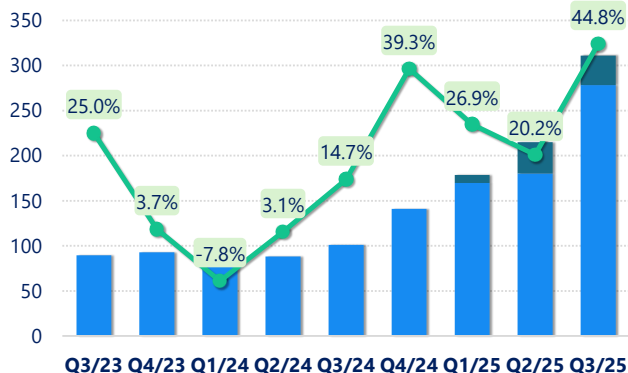
Tài sản dài hạn khác

Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



Vay và nợ thuê ngắn hạn

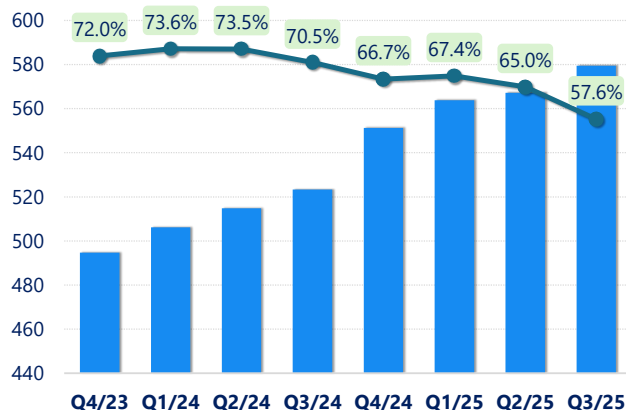
Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

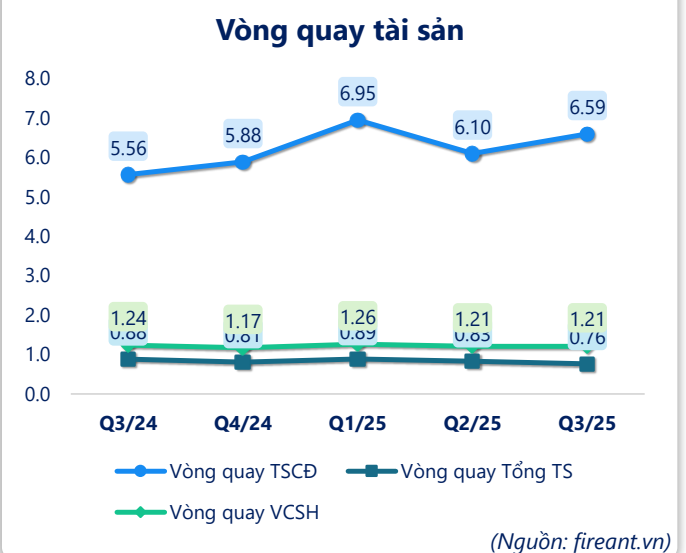
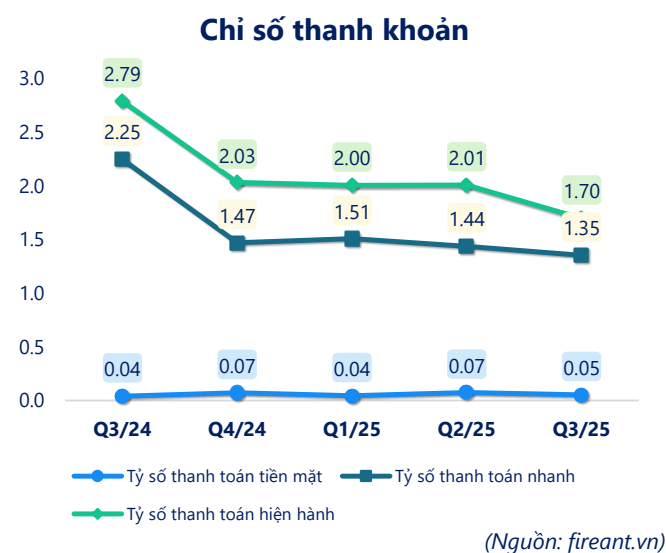
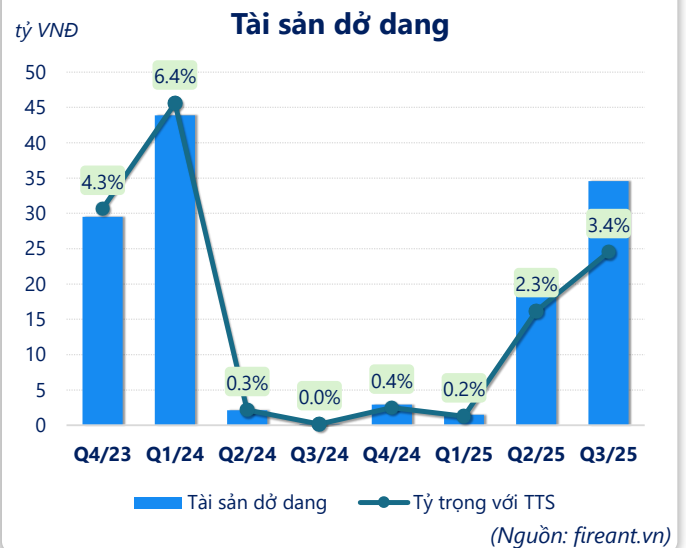
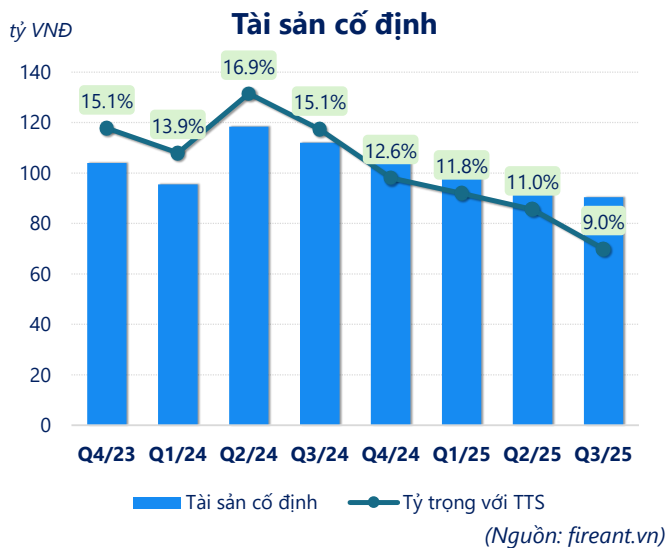
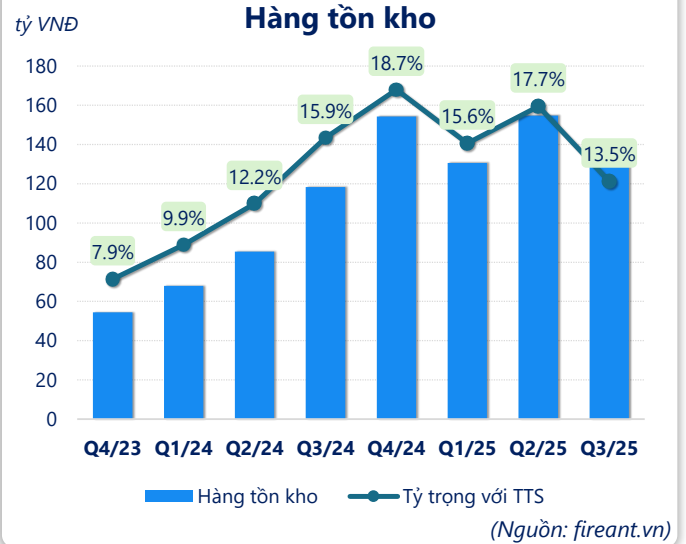
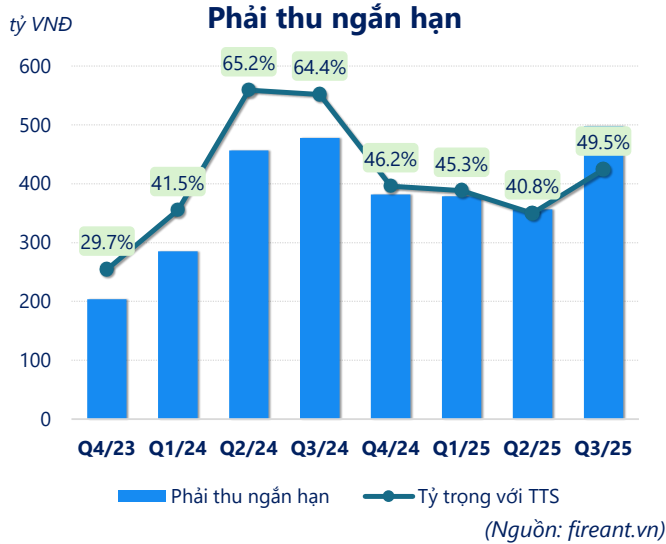
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu

Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	743	826	836	873	1,006
Tài sản ngắn hạn	609	558	527	545	668
Tiền và tương đương tiền	8.69	19.6	11.4	20.1	20.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.18	0.18	5.18	13.1	13.1
Phải thu ngắn hạn	478	382	379	356	498
Hàng tồn kho	118	154	131	155	135
Tài sản ngắn hạn khác	3.41	2.47	1.12	0.29	0.39
Tài sản dài hạn	134	268	309	328	338
Phải thu dài hạn	1.59	1.52	1.52	1.52	1.52
Tài sản cố định	112	104	98.9	96.1	90.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.17	2.91	1.49	19.8	34.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	140	189	193	193
Tài sản dài hạn khác	20.2	19.5	18.2	18.2	18.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	219	275	272	306	426
Nợ ngắn hạn	218	275	263	271	394
Vay và nợ thuê ngắn hạn	101	141	170	180	278
Phải trả người bán ngắn hạn	70.2	88.8	52.6	53.2	50.7
Nợ dài hạn	1.00	0.34	9.30	34.6	33.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	9.00	34.6	33.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	523	551	564	567	579
Vốn chủ sở hữu	523	551	564	567	579
Vốn điều lệ	1,125	1,125	1,125	1,125	1,125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)